

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI THỰC HIỆN NGÂN HÀNG XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

● NGUYỄN THANH TRÚC

TÓM TẮT:

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi thực hiện ngân hàng xanh (NHX) tại các ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Nghiên cứu được thực hiện qua khảo sát 250 nhân viên đang làm việc tại các NHTM trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thông qua bảng câu hỏi chuẩn bị sẵn theo thang đo likert 5 mức độ. Kết quả kiểm định các giả thuyết và mô hình nghiên cứu cho thấy biến ý định thực hiện NHX có tác động mạnh đến hành vi thực hiện NHX; có 5 biến độc lập có ảnh hưởng đến ý định thực hiện NHX theo thứ tự giảm dần, đó là: Hiệu quả kinh tế, Nỗ lực kỳ vọng, Quan tâm môi trường, Chính sách và Nhân viên ngân hàng.

Từ khóa: ngân hàng xanh, hiệu quả kinh tế, nỗ lực kỳ vọng, quan tâm môi trường, chính sách, nhân viên ngân hàng, ý định, hành vi.

1. Đặt vấn đề

Tăng trưởng xanh là xu hướng tất yếu để phát triển bền vững mà các quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam đang hướng đến. Tăng trưởng xanh nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, cơ cấu sản xuất, tiêu dùng theo hướng bền vững, giảm phát thải khí nhà kính; nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đã tạo ra sự chuyển biến mới, không chỉ giúp các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, tiết kiệm chi phí mà còn góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh. Cùng với xu thế phát triển bền vững toàn cầu, ngành Ngân hàng của Việt Nam đóng vai trò vô cùng quan trọng với cơ chế khuyến khích đầu tư

vào các dự án thân thiện môi trường. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành nhiều văn bản về tín dụng phù hợp với bảo vệ môi trường, hướng tới tăng trưởng xanh, cụ thể là: Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường vào quy định hiện hành về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/08/2018 về Đề án phát triển NHX tại Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 7/1/2019 về

việc ban hành Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

NHX dùng để chỉ các hoạt động khuyến khích các hoạt động môi trường và giảm lượng khí thải carbon, như khuyến khích sử dụng các sản phẩm và dịch vụ xanh; áp dụng các tiêu chuẩn môi trường để phê duyệt các khoản vay hoặc cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi cho các dự án giảm CO2 (UN ESCAP, 2012). Mỗi NHTM cần chủ động xây dựng bộ phận chuyên trách trong việc hình thành, tư vấn về hệ thống quản lý môi trường và xã hội. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ xanh phải kết hợp với việc tăng cường hoạt động quảng bá, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân và doanh nghiệp. Muốn thực hiện tốt những điều này thì vấn đề nhận thức của nhân viên ngân hàng là rất quan trọng. Nếu nhận thức của nhân viên về NHX tích cực sẽ thúc đẩy việc thực hiện hoạt động NHX tại ngân hàng diễn ra nhanh chóng và đạt kết quả tốt. “Việc thực hiện hoạt động NHX không được xem là thành công nếu nhân viên ngân hàng không có động cơ để sử dụng các loại hình dịch vụ đó và do đó sẽ không mang lại lợi ích cho ngân hàng (Al-Smadi, 2012)”. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi thực hiện NHX trong môi trường làm việc tại các NHTM trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

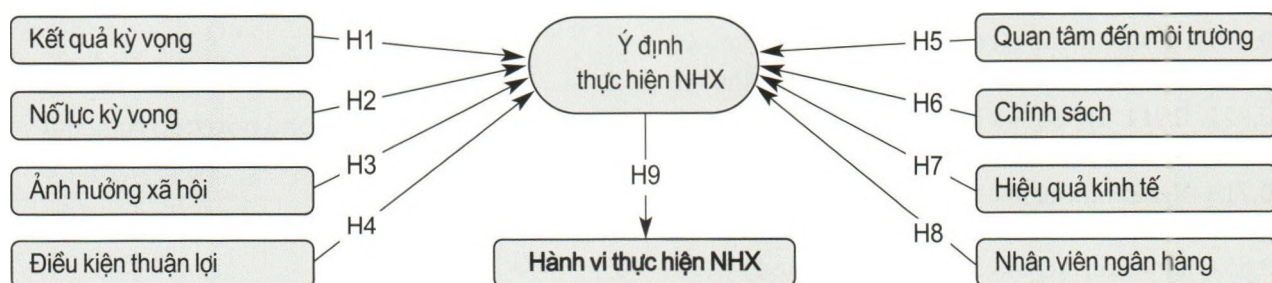
2. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu dựa trên lý thuyết về hành vi tiêu dùng (Philip Kotler, 2004), Mô hình hợp nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology - UTAUT). Dựa trên lược khảo các nghiên cứu của

Mohamed Bouteraa và cộng sự (2020), Nischal Risal (2018), Shaumya và Arulrajah (2017), Hà Nam Khánh Giao (2020), Đặng Anh Tuấn (2020), Đỗ Hoài Linh (2019), Nguyễn Thị Thủy (2019), Nguyễn Thị Lệ Huyền (2019), Nguyễn Thị Đoàn Trang (2018), Trần Thị Thanh Tú (2017), Trần Minh Khôi (2018). Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn 15 cán bộ là lãnh đạo ngân hàng, lãnh đạo phòng ban và tương đương đang làm việc tại các NHTM trên địa bàn tỉnh Trà Vinh về thông tin trong bảng câu hỏi để điều chỉnh thang đo định lượng đã xây dựng dựa trên lý thuyết cho phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Thang đo được đưa vào nghiên cứu định tính gồm 44 biến quan sát, trong đó có 36 biến quan sát thuộc về thang đo các biến độc lập, như: Kết quả kỳ vọng, Nỗ lực kỳ vọng, Ảnh hưởng xã hội, Điều kiện thuận lợi, Quan tâm đến môi trường, Chính sách, Hiệu quả kinh tế, Nhân viên ngân hàng; 4 biến quan sát thuộc về thang đo ý định thực hiện NHX, 4 biến quan sát thuộc về thang đo hành vi thực hiện NHX. Thang đo Ý định thực hiện NHX với vai trò là biến trung gian ảnh hưởng đến hành vi thực hiện NHX tại các NHTM trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Dựa trên nghiên cứu định tính, thang đo định lượng chính thức Likert -5 hoàn thiện gồm 44 biến tương tự mô hình trong nghiên cứu định tính và phù hợp với lý thuyết nên được chấp nhận cho bước nghiên cứu tiếp theo. Dữ liệu được thu thập với cỡ mẫu là 250 quan sát và xử lý qua Smart PLS 3.3.9. Mô hình nghiên cứu được đánh giá qua 2 bước là đánh giá mô hình đo lường, mô hình cấu trúc và thực hiện kiểm định bootstrap (Henseler & Chin, 2010). (Hình 1)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Các giả thuyết nghiên cứu

- H1: Kết quả kỳ vọng có mối quan hệ thuận chiều với ý định thực hiện NHX.
- H2: Nỗ lực kỳ vọng có mối quan hệ thuận chiều với ý định thực hiện NHX.
- H3: Ảnh hưởng xã hội có mối quan hệ thuận chiều với ý định thực hiện NHX.
- H4: Điều kiện thuận lợi có mối quan hệ thuận chiều với ý định thực hiện NHX.
- H5: Quan tâm đến môi trường có mối quan hệ thuận chiều với ý định thực hiện NHX.
- H6: Chính sách có mối quan hệ thuận chiều với ý định thực hiện NHX.
- H7: Hiệu quả kinh tế có mối quan hệ thuận chiều với ý định thực hiện NHX.
- H8: Nhân viên ngân hàng có mối quan hệ thuận chiều với ý định thực hiện NHX.
- H9: Ý định thực hiện NHX có mối quan hệ thuận chiều với hành vi thực hiện NHX.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kiểm định mô hình đo lường

Các chỉ số cần đánh giá trong mô hình đo lường bao gồm outer loading $\geq 0,7$ (Hair et al., 2016), hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,7$ (DeVellis, 2012), hệ số độ tin cậy tổng hợp CR (Composite Reliability $\geq 0,7$ và Phương sai trích AVE (Average Variance Extracted $\geq 0,5$ (Hair et al., 2010). Kết quả kiểm định mô hình đo lường lần đầu cho thấy các mục hỏi DKTL3, HQKT1, HQKT2, HQKT3, HV3, KQKV1, QTMT3 có hệ số tải ngoài (outer loading) nhỏ hơn 0,7 nhưng khi xem xét các giá trị CR và AVE của biến DKTL có CA dưới 0,7 và biến HQKT có AVE dưới 0,5 (Hair et al., 2014). Vì vậy, tác giả đã loại các mục hỏi có outer loading dưới 0,6 là HQKT1, HKQK2, HQKT3, HV3, KQKV1. Sau khi loại bỏ các biến trên, kết quả chạy lại mô hình cho thấy tất cả các nhân tố đều có độ tin cậy với hệ số CA lớn hơn 0,7, cụ thể dao động từ 0,720-0,879. Hệ số CR của tất cả các nhân tố đều đạt yêu cầu với hệ số lớn hơn 0,7 và nằm trong khoảng 0,822- 0,911. Hệ số AVE của các nhân tố đều lớn hơn 0,5 đạt yêu cầu kiểm định, dao động từ 0,538 - 0,719. Ngoài ra, các nhân tố còn đạt yêu cầu giá trị phân biệt (discriminant validity) với tỷ số HTMT $\leq 0,85$ (Hair et al., 2010, Kline, 2015). (Bảng 1)

Bảng 1. Bảng tóm tắt các hệ số trong mô hình

Nhân tố	Cronbach's Alpha	Composite Reliability (CR)	Average Variance Extracted (AVE)
AHXX	0,879	0,911	0,719
CSACH	0,811	0,876	0,639
DKTL	0,720	0,822	0,538
HANHVI	0,749	0,856	0,664
HQKT	0,852	0,900	0,692
KQKV	0,819	0,892	0,733
NLKV	0,845	0,893	0,677
NVIEN	0,811	0,852	0,591
QTMT	0,832	0,881	0,599
YDINH	0,846	0,896	0,683

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu bằng Smart PLS 3.3.9

3.2. Kiểm định mô hình cấu trúc

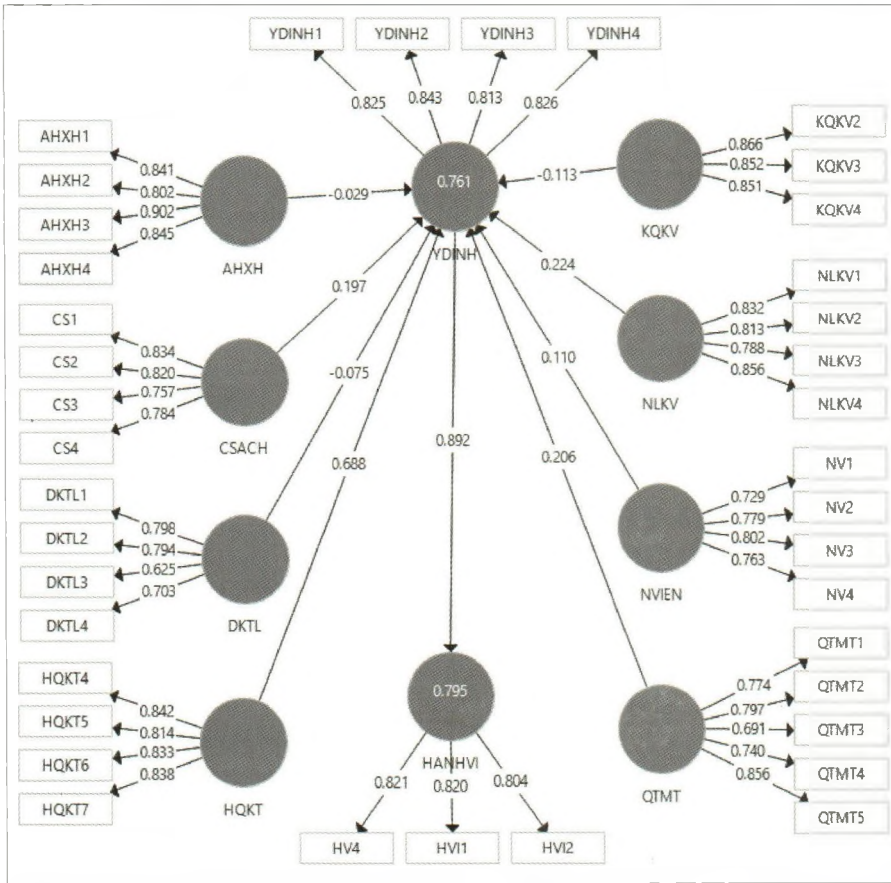
Kiểm định đa cộng tuyến: Vấn đề cộng tuyến của mô hình cấu trúc cần phải được kiểm tra mối quan hệ giữa các nhân tố. Hệ số phóng đại phương sai (VIF) được kiểm định đa cộng tuyến. Kết quả cho thấy VIF chỉ ra sự liên kết giữa các nhân tố dự đoán không vi phạm giả định về đa cộng tuyến, vì tất cả các hệ số đều nằm trong khoảng chấp nhận ($VIF < 5$, Hair và cộng sự, 2019).

Kiểm định sự phù hợp của mô hình: Trong phân tích PLS-SEM, khả năng giải thích của mô hình cấu trúc được đánh giá bởi đường dẫn cấu trúc và hệ số R² của biến phụ thuộc. Kết quả phân tích cho thấy, giá trị R² điều chỉnh của mô hình Ý định thực hiện NHX là 0,753 và giá trị R² điều chỉnh của mô hình Hành vi thực hiện NHX là 0,794. Nghĩa là có 79,4% sự biến thiên của Hành vi thực hiện NHX được giải thích bởi các biến độc lập được đưa vào mô hình, còn lại 20,6% là từ sai số hệ thống và từ các yếu tố khác nằm ngoài mô hình. (Bảng 2, Hình 2)

Bảng 2. Kiểm định sự phù hợp của mô hình

	R ²	R ² hiệu chỉnh
HANHVI	0,795	0,794
YDINH	0,761	0,753

Hình 2: Kết quả mô hình ước lượng qua SMART PLS



cứ H2, H5, H6, H7, H8, H9 đều được chấp nhận. Cụ thể, biến “Ý định thực hiện NHX” có tác động mạnh nhất đến hành vi thực hiện NHX (= 0,892). Biến “Hiệu quả kinh tế” có tác động mạnh thứ hai đến ý định thực hiện NHX (= 0,688). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện NHX tiếp theo lần lượt là “Nỗ lực kỳ vọng”, “Quan tâm môi trường”, “Chính sách” và “Nhân viên” với giá trị tương ứng lần lượt là 0,224, 0,206, 0,197 và 0,110. Trong khi đó, các yếu tố “Kết quả kỳ vọng”, “Ảnh hưởng xã hội” và “Điều kiện thuận lợi” không có ảnh hưởng đến ý định thực hiện NHX (P-value > 0,05, không có ý nghĩa thống kê).

Kiểm định bootstrap: Để đánh giá các mối quan hệ tác động, PLS SEM sử dụng kết quả của phân tích Bootstrap với lặp lại 1.000 lần để đảm bảo yêu cầu kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính.

Kết quả Bảng 3 cho thấy các giả thuyết nghiên

4. Kết luận

Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang ngày càng diễn ra nghiêm trọng tại Việt Nam cũng như các quốc gia khác. Vì vậy, việc chấp nhận NHX sẽ là một trong những bước ngoặt

Bảng 3. Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số tác động	Mức ý nghĩa	Kết quả
H3	AHXX → YDINH	-0,029	0,516	Không chấp nhận
H6	CSACH → YDINH	0,197	0,000	Chấp nhận
H4	DKTL → YDINH	-0,075	0,430	Không chấp nhận
H7	HQKT → YDINH	0,688	0,000	Chấp nhận
H1	KQKV → YDINH	-0,113	0,231	Không chấp nhận
H2	NLKV → YDINH	0,224	0,029	Chấp nhận
H8	NVIEN → YDINH	0,110	0,004	Chấp nhận
H5	QTMT → YDINH	0,206	0,003	Chấp nhận
H9	YDINH → HANHVI	0,892	0,000	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

hướng tới việc chăm sóc tốt hơn cho môi trường, giải quyết các lỗ hổng về môi trường. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu phù hợp với nền tảng lý thuyết và các nghiên cứu trước đây. Khi có ý định thực hiện NHX thì hành vi thực hiện NHX càng mạnh hơn, có 5/8 yếu tố tác động đến ý định thực hiện NHX đó là Hiệu quả kinh tế, Nỗ lực kỳ vọng, Quan tâm đến môi trường, Chính sách, Nhân viên ngân hàng. Trong đó, yếu tố Hiệu quả kinh tế tác động mạnh nhất đến ý định thực hiện NHX. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu trước của Trần Minh Khôi (2018),

Nguyễn Thị Lệ Huyền (2019), Afrin Rifat và cộng sự (2016).

Như vậy, để nâng cao hành vi thực hiện NHX, cần chú trọng một số hàm ý quản trị, gồm: (1) Nâng cao nhận thức về hoạt động NHX; (2) Nâng cao năng lực cán bộ quản lý thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư xanh; (3) Xây dựng chiến lược, kế hoạch hành động và chính sách thúc đẩy phát triển NHX; (3) Áp dụng công nghệ mới trong hoạt động ngân hàng; (4) Truyền thông về tăng trưởng xanh và tín dụng xanh để phát triển bền vững; (5) Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ xanh ■

Ghi chú: Kết quả nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Trà Vinh thông qua hợp đồng số 173/2021/HĐ-HĐKH&ĐT-ĐHTV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Afrin Rifat and Nabila Nisha, Mehree Iqbal, Adisak Suviitawat. (2016). The role of commercial banks in green banking adoption: a Bangladesh perspective. [Online] Available at <https://www.inderscienceonline.com/doi/abs/10.1504/IJGE.2016.081906>.
2. DeVellis RF (2012). *Scale development: Theory and applications*. Vol. 26. Thousand Oaks, CA: Sage Publications.
3. Do Hoai Linh et. al. (2019). Determinants of Green Banking Implementation in Emerging Country: Evidence from Vietnam Banks. *European Journal of Business and Management*, 11(15), 26-34.
4. Ngân hàng Nhà nước (2015). *Chỉ thị số 03/CT-NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, ban hành ngày 24/3/2015*.
5. Fornell, C., & Larcker, D. F. (1981). Evaluating structural equation models with unobservable variables and measurement error. *Journal of Marketing Research*, 18(1), 39-45.
6. Garson. (2016). *Partial Least Squares Regression and Structural Equation Models*. USA: Statistical Publishing Associates.
7. Hà Nam Khánh Giao, Bùi Nhất Vương (2019). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - cập nhật SMART-PLS*. Hà Nội: NXB Tài chính.
8. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J. and Anderson, R. E., (2010). *Multivariate data analysis*. USA: Prentice Hall. Englewood Cliffs.
9. Hair, J. F., Hult, G.T. (2017). *A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)*, 2th ed. Los Angeles, USA: SAGE.
10. Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., and Sarstedt, M. (2014). *A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)*. Thousand Oaks, CA: Sage.
11. Henseler, J., and Chin, W. W. (2010). A Comparison of Approaches for the Analysis of Interaction Effects Between Latent Variables Using Partial Least Squares Path Modeling. *Structural Equation Modeling*, 17(1), 82-109.
12. Henseler, J., Ringle, C. M. and Sarstedt, M., (2015). A New Criterion for Assessing Discriminant Validity in Variance-based Structural Equation Modelling. *Journal of the Academy of Marketing, Science*, 43(1), 115-135.

13. Nguyễn Thân Hoài My (2016). *Hoạt động ngân hàng xanh trong các Ngân hàng TMCP tại TP. HCM. Công trình dự thi Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka lần thứ XVIII năm 2016*, do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Ban Chấp hành Đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức.
14. Kline, R. B., (2011). *Principles and practice of structural equation modeling*. USA: The Guilford Press.
15. Ngân hàng Nhà nước (2016). *Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, ban hành ngày 30/12/2016*.
16. Risal, N., & Joshi, S. K. (2018). Measuring green banking practices on banks environmental performance: Empirical evidence from Kathmandu valley. *Journal of Business and Social Sciences*, 2(1), 44-56.
17. Ngân hàng Nhà nước (2018). *Quyết định số 1640/QĐ-NHNN phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam, ban hành ngày 07/8/2018*.

Ngày nhận bài: 5/4/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/5/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/5/2022

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THANH TRÚC

Trường Đại học Trà Vinh

A STUDY ON THE FACTORS AFFECTING THE BEHAVIOR OF IMPLEMENTING GREEN BANKING AT COMMERCIAL BANKS IN TRA VINH PROVINCE

● Master. **NGUYEN THANH TRUC**

Tra Vinh University

ABSTRACT:

This study is to determine the factors affecting the behavior of implementing green banking at commercial banks in Tra Vinh province. In this study, 250 employees working at commercial banks in Tra Vinh province are surveyed with a 5-level Likert scale-based questionnaire. The study's results show that the variable of green banking implementation intention has a strong impact on the behavior of implementing green banking. The results also reveal that there are five independent variables affecting the intention of implementing green banking. These variables, listed in descending order of impacting level, are economic efficiency, expected effort, environmental concern, policy, and banker.

Keywords: green banking, economic efficiency, expected effort, environmental concern, policy, banker, intention, behavior.